

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 3 - 2025.

“V/v Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Oanh và bà Vũ Thị Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Luật - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05/02/2025 về việc *“Xin ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Trọng U**, sinh năm 1945.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm A, thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1970.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số nhà I, ngõ B, khu Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1953.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Trọng U và bà Phạm Thị L, sinh năm 1970 là người ở thành phố H, tỉnh Hải Dương có được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/01/2016. Sau khi kết hôn, cả hai thống nhất bà L sẽ về sống cùng ông U ở thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Tuy nhiên, bà L chỉ về sống cùng ông U tại thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên một thời gian ngắn rồi bà L lại bỏ về nhà tại Hải Dương, không ở cùng ông U, còn ông U thì lại phải thường xuyên đi lại qua Hải Dương với bà L. Được một thời

gian ngắn thì cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hôn nhân của hai người đều là hôn nhân chấp vá. Được một thời gian ngắn thì cả hai phát sinh mâu thuẫn. Mặt khác do ông U nhiều lần nói chuyện, muốn bà L về sống cùng ông ở thôn N vì ông U hiện tuổi cao, sức yếu, đi lại khó khăn nhưng bà L không đồng ý. Đến năm 2020, do sức khỏe yếu cùng với việc bùng phát dịch Covid-19 nên ông U không còn qua lại Hải Dương, kể từ đó ông U và bà L không còn quan tâm gì đến nhau, ông U vẫn sống ở thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên còn bà L sống ở khu Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vào giữa năm 2024 ông đã làm Đơn xin ly hôn bà L gửi ra TAND huyện Khoái Châu, tuy nhiên trong quá trình giải quyết bà L cứ xin ông cơ hội và hứa sẽ chuyển về Hưng Yên sinh sống cùng với ông. Bản thân ông đã suy nghĩ lại và nhất trí cho bà L một cơ hội nữa nên đã rút đơn khởi kiện và TAND huyện Khoái Châu đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên sau đó bà L không thực hiện lời hứa, không về chung sống cùng ông, do vậy nay ông xác định tình cảm đã không còn từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết cho ông được ly hôn bà L. Ông và bà L đã thỏa thuận thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nơi ông đang thường trú là cơ quan giải quyết ly hôn do ông đã tuổi cao sức yếu, đi lại khó khăn.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà L trình bày: Bà L thừa nhận điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông U trình bày là đúng. Sau ngày cưới, ông U có về sống chung với bà L một thời gian tại nhà bà L ở số nhà I, ngõ B, khu Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau đó, đến tháng 12/2021 ông U đã về lại thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên sinh sống, còn bà L vẫn ở tại nhà mình. Thời gian này thỉnh thoảng bà L vẫn qua lại nhà ông U tại thôn N, xã Đ, huyện K. Đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bà L không về ở cùng với ông U. Nay ông U xin ly hôn bà thì bà xác định vẫn còn tình cảm với ông U nên không đồng ý ly hôn, còn ông U cứ cương quyết xin ly hôn với bà thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông U và bà L đều khẳng định không có.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Ông U và bà L đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Chí H trình bày: Ông là hàng xóm của ông U, ông U kết hôn với và bà L là người Hải Dương vào năm 2016. Sau đó, ông U có dẫn bà L về thôn N, xã Đ sống được thời gian ngắn thì bà L về lại Hải Dương. Thỉnh thoảng ông có thấy bà L về nhà ông U nhưng cũng rất hiếm gặp. Từ khoảng năm 2020 sau khi bùng phát dịch Covid-19 thì bà L không còn về thôn N sống cùng ông U. Hiện nay, ông U sống một mình tại nhà riêng tại thôn N, xã Đ. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông U và bà L thì ông được biết, giữa ông U và bà L không có con chung.

Tại biên bản xác minh, UBND xã Đ cung cấp: Ông U và bà L không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Trên thực tế địa phương nắm được cũng có thời gian bà L qua lại với ông U, từng về sống cùng ông U tại thôn N, xã Đ. Tuy nhiên, hiện nay bà L và ông U không sống cùng nhau mà chỉ có ông U sống một mình tại nhà. Về mâu thuẫn giữa ông U và bà L thì địa phương không nắm được. Nay ông U làm đơn khởi kiện xin ly hôn bà L thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông U do tuổi cao, sức yếu, đi lại khó khăn và bị đơn bà L bận công việc, đã có các quan điểm trình bày trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai với Tòa án nên đều có Đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng là ông H đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu. Nguyên đơn ông U, bị đơn bà L đều xin xét xử vắng mặt; người làm chứng cũng có quan điểm xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Trọng U. Về con chung: không có. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: không đặt ra xem xét giải quyết; Ông U được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Trọng U có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa ông và bà Phạm Thị L hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại khu Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ông U và bà L đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn TAND huyện Khoái Châu nơi ông U cư trú làm Tòa án giải quyết. Căn cứ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn ông U và bị đơn bà L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và các quan điểm đã được thể hiện rõ ràng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Người làm chứng là ông Nguyễn Chí H đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng có quan điểm xin được vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 và 229 BLTTDS năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông U kết hôn với bà L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 22/01/2016 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, ông U và bà L đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hôn nhân giữa ông U và bà L đều là hôn nhân chấp vá, mặt khác cả hai

không tìm được tiếng nói chung trong việc lựa chọn nơi sinh sống. Từ đó dẫn đến tình cảm mất dần đi và hai bên đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Năm 2024 ông U đã làm Đơn xin ly hôn bà L, TAND huyện Khoái Châu đã thụ lý giải quyết vụ án nhưng trong quá trình giải quyết bà L xin ông U cơ hội và hứa sẽ chuyển về Hưng Yên sinh sống cùng với ông. Do vậy ông U đã rút đơn khởi kiện và TAND huyện Khoái Châu đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên sau đó bà L không về chung sống cùng ông U nên ông U lại tiếp tục làm Đơn khởi kiện xin ly hôn bà L. Điều này chứng tỏ ông U đã xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm không muốn ly hôn vì vẫn còn tình cảm với ông U nhưng không thực hiện lời hứa về chung sống với ông U và không tham gia phiên hòa giải cho thấy bà L không thực sự cố gắng để hàn gắn tình cảm cũng như không có giải pháp nào để giải quyết mâu thuẫn giữa cả hai.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, xét thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa ông U và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông U là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa ông U và bà L không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Ông U và bà L đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sau này ông U và bà L có yêu cầu sẽ khởi kiện để xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Căn cứ theo Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông U là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Trọng U được ly hôn với bà Phạm Thị L.

Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu các bên có tranh chấp và yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Ông U là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- UBND phường Tứ Minh;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tuyên